

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2011/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 11 tháng 5 năm 2011

### QUYẾT ĐỊNH

**Quy định số lượng, chức danh, chế độ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, khối phố và điều chỉnh chế độ trợ cấp mai táng đối với Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đương nhiệm không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 06/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 27/5/2010 của liên Bộ Nội vụ- Bộ Tài chính – Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2010 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2010/NQ-HĐND ngày 15/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, chức danh, chế độ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, khối phố và điều chỉnh chế độ trợ cấp mai táng đối với Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đương nhiệm không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Quy định số lượng, chức danh, chế độ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, khối phố trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn như sau:

#### 1. Số lượng:

- Xã, phường, thị trấn loại 1 bố trí tối đa 18 người;
- Xã, phường, thị trấn loại 2 bố trí tối đa 16 người;

- Xã, phường, thị trấn loại 3 bố trí tối đa 15 người;
- Mỗi thôn, khối phố bố trí 03 người.

## **2. Chức danh:**

### *a) Các chức danh ở cấp xã:*

- Phụ trách Văn phòng đảng ủy và tuyên giáo;
- Phụ trách Công tác tổ chức và kiểm tra đảng;
- Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ Việt Nam;
- Chủ tịch Hội Người cao tuổi;
- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc;
- Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;
- Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
- Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- Phó Chủ tịch Hội Nông dân;
- Phó Trưởng Công an xã - đối với xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự, xã loại 1 và xã loại 2 bố trí 02 người theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ;

- Phó Chỉ huy Trưởng quân sự - cấp xã loại 3 bố trí 01 người, đối với xã trọng điểm về quốc phòng - an ninh, xã loại 1 và xã loại 2 theo Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn bố trí 02 người theo quy định tại Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01/6/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

- Dân số - Gia đình - Trẻ em;
- Văn hóa - Xã hội;
- Giao thông - Thủy lợi - Nông, lâm nghiệp.

- Khuyến nông viên - bố trí mỗi xã vùng II có 01 nhân viên khuyến nông, mỗi xã vùng III và xã vùng biên giới có 02 nhân viên khuyến nông. Việc xác định xã thuộc khu vực I, II, III thực hiện theo Quyết định số 301/2006/QĐ-UBND ngày 27/11/2006 và Quyết định số 05/2007/QĐ-UBND ngày 06/9/2007 của Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc công nhận 3 khu vực vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển.

### *b) Các chức danh ở thôn, khối phố:*

- Bí thư Chi bộ;
- Trưởng thôn, Trưởng khối phố;

- Công an viên.

### **3. Chế độ phụ cấp đối với các chức danh:**

*a) Mức phụ cấp bằng hệ số 1,0 mức lương tối thiểu chung của cán bộ, công chức đối với các chức danh:*

- Phụ trách Văn phòng đảng ủy và tuyên giáo;
- Phụ trách Công tác tổ chức và kiểm tra đảng;
- Phó Trưởng Công an;
- Phó Chỉ huy trưởng quân sự;
- Khuyến nông viên;
- Bí thư Chi bộ;
- Trưởng thôn, trưởng khối phố.

*b) Mức phụ cấp bằng hệ số 0,8 mức lương tối thiểu chung của cán bộ, công chức đối với các chức danh:*

- Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ Việt Nam;
- Chủ tịch Hội Người cao tuổi;
- Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc;
- Phó chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
- Phó chủ tịch Hội Phụ nữ;
- Phó Chủ tịch Hội Nông dân;
- Phó Bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh;
- Các chức danh khác ở cấp xã.

*c) Mức phụ cấp bằng hệ số 0,6 mức lương tối thiểu chung của cán bộ, công chức đối với chức danh Công an viên.*

### **4. Chế độ phụ cấp kiêm nhiệm chức danh:**

Người hoạt động không chuyên trách kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách khác mà giảm được 01 người trong số lượng quy định đối với mỗi đơn vị cấp xã thì được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh không chuyên trách khác thì cũng chỉ được hưởng 01 mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất.

**Điều 2.** Quy định chế độ hỗ trợ đối với 2 chức danh: Phó Bí thư chi bộ và Phó trưởng thôn, Phó trưởng khối phố với mức hỗ trợ bằng hệ số 0,6 mức lương tối thiểu của cán bộ, công chức.

**Điều 3.** Quy định chế độ trợ cấp mai táng đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đương nhiệm không hưởng lương từ ngân sách nhà nước khi từ trần thì người

lo mai táng được nhận trợ cấp mai táng bằng 10 tháng lương tối thiểu chung do nhà nước quy định.

Kinh phí chi trợ cấp mai táng đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đương nhiệm không hưởng lương từ ngân sách nhà nước do ngân sách nhà nước cấp và chi từ nguồn kinh phí hoạt động của HĐND cùng cấp.

**Điều 4.** Việc quy định số lượng, chức danh, chế độ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, khối phố; chế độ hỗ trợ đối với các chức danh Phó Bí thư chi bộ, Phó trưởng thôn, Phó trưởng khối phố và điều chỉnh chế độ trợ cấp mai táng đối với Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đương nhiệm không hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Quyết định này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Quyết định này bãi bỏ các Quyết định sau: Quyết định số 45/2004/QĐ-UB ngày 13/8/2004 quy định về số lượng và chế độ phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, khối phố; Quyết định số 13/2006/QĐ-UBND ngày 28/6/2006 quy định về chế độ phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, khối phố; Quyết định số 22/2008/QĐ-UBND ngày 08/9/2008 về số lượng, điều kiện và chế độ thù lao đối với nhân viên khuyến nông ở xã trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 273/QĐ-UB ngày 25/02/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về chế độ cấp thẻ bảo hiểm y tế, công tác phí và mai táng phí đối với đại biểu HĐND các cấp đương nhiệm không thuộc biên chế nhà nước.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Vy Văn Thành**